

Số: 1009/QĐ-VKS

Yên Bái, ngày 07 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/việc công bố công khai dự toán NSNN quý II và 6 tháng đầu năm 2024

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Quyết định số 145/QĐ-VKSTC ngày 29/12/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-VKSTC ngày 18/3/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán NSNN quý II và 6 tháng đầu năm năm 2024 của các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái (theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng tổng hợp, Kế toán trưởng và các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục 3 VKSTC (báo cáo);
- Trang TTĐT tỉnh (đăng tin);
- Lưu VT, KT.

**TL. VIỆN TRƯỞNG
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Trần Anh Đào



**CÔNG KHAI PHÂN BỐ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC QUÝ II - NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 1009/QĐ-VKS ngày 03 tháng 7 năm 2024 của VKSND tỉnh Yên Bái)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Tổng số được giao		Tổng số đã phân bổ		Số chưa phân bổ
		Trong quý II	Lũy kế 6 tháng	Trong quý II	Lũy kế 6 tháng	
	TỔNG KINH PHÍ ĐƯỢC GIAO	177.631.000	42.140.393.900	177.631.000	42.140.393.900	
I	Quản lý hành chính (Loại 340-341)	177.631.000	41.929.093.900	177.631.000	41.929.093.900	-
1.1	Kinh phí thực hiện tự chủ		39.920.362.900		39.920.362.900	
1.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	177.631.000	2.008.731.000	177.631.000	2.008.731.000	
II	Sự nghiệp giáo dục đào tạo (Loại 070-085)		211.300.000		211.300.000	-
	Kinh phí không thực hiện tự chủ		211.300.000		211.300.000	



CÔNG KHAI PHẦN BỔ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1879/QĐ-VKS ngày 05 tháng 7 năm 2024 của VKSND tỉnh Yên Bái)

DVT: Đồng

TT	Tên đơn vị	Mã số DVQHNS	Mã số KBNN	Quản lý hành chính L340-341			
				Tổng số	Trong đó		Sự nghiệp giáo dục đào tạo Loại 070-085 (Không tự chủ)
				Tự chủ	Không tự chủ		
1	Văn phòng VKS tỉnh Yên Bái	1009290	2561	19.082.425.000	17.465.894.000	1.405.231.000	211.300.000
2	VKS thành phố Yên Bái	1009515	2561	3.642.772.900	3.571.272.900	71.500.000	
3	VKS huyện Mộ Cang Chải	1001855	2562	2.016.100.000	1.832.600.000	183.500.000	
4	VKS huyện Trấn Yên	1001856	2563	2.455.200.000	2.407.700.000	47.500.000	
5	VKS huyện Yên Bình	1002483	2564	2.900.900.000	2.841.400.000	59.500.000	
6	VKS huyện Lục Yên	1009510	2565	2.268.300.000	2.216.800.000	51.500.000	
7	VKS huyện Văn Chấn	1002484	2566	2.455.000.000	2.403.500.000	51.500.000	
8	VKS huyện Trạm Tấu	1002485	2567	2.197.300.000	2.157.800.000	39.500.000	
9	VKS huyện Văn Yên	1009511	2568	2.611.300.000	2.559.800.000	51.500.000	
10	VKS thị xã Nghĩa Lộ	1009509	2569	2.511.096.000	2.463.596.000	47.500.000	
Tổng cộng				42.140.393.900	39.920.362.900	2.008.731.000	211.300.000